TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/DS-ST
Ngày 27-3-2023
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bạch Đình Ca;

2. Ông Hoàng Năng Long;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thanh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27/3/2023, tại Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 141/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Ngân hàng N; Địa chỉ: Số 02 đường L, phường Th, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đức H, chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Ngân hàng N – PGD Tr, chi nhánh huyện K (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/10/2022); Địa chỉ: Thôn 2, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

*** Bị đơn:** Bà H M Ktla, sinh năm 1984; Địa chỉ: Buôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:

1. Ông Y S Êban, sinh năm 1982; Địa chỉ: Buôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị H' X Ktla, sinh năm 2003; Địa chỉ: Buôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 09/11/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức H trình bày:*

Ngày 27/8/2019, Ngân hàng N (nguyên đơn) với bà H M Ktla (bị đơn) có ký Hợp đồng tín dụng số 5229-LAV-201902231 ngày 27/8/2019 số tiền vay là 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay 11.5%/năm, thời hạn vay 36 tháng, mục đích cho vay để chăm sóc cây cà phê và chăn nuôi bò.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, nguyên đơn có cầm giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 954260 đối với thửa đất số 24, diện tích 2160m^2 và thửa đất số 68c, diện tích 630m^2 đều thuộc tờ bản đồ số 06 và tọa lạc tại Buôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do UBND huyện K cấp ngày 14/01/2001 mang tên bà H M Ktla, hai bên không tiến hành ký kết Hợp đồng thế chấp và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng thì đến ngày 27/8/2020 nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số tiền trên sang nợ quá hạn, do bị đơn vi phạm trả gốc và lãi; tính đến ngày 27/3/2023, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 77.641.747 đồng (trong đó: nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi là 27.641.747 đồng).

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng bị đơn phải trả toàn bộ số tiền vay gốc và lãi còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 5229-LAV-201902231 ngày 27/8/2019 với tổng số tiền là 77.641.747 đồng (trong đó: nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi là 27.641.747 đồng) và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 27/3/2023 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng. Trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ cho nguyên đơn, đề nghị Toà án tuyên xử lý toàn bộ tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 954260 để thu hồi nợ vay cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/3/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc đề nghị Toà án tuyên xử lý toàn bộ tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 954260 để thu hồi nợ. Ngoài việc rút một phần yêu cầu trên thì đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện khác và không thay đổi gì.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 29/11/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Y S Êban trình bày:*

Ông Y S Êban là chồng của bà H M Ktla và có biết việc bị đơn vay của nguyên đơn với số tiền là 50.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5229-LAV-201902231 ngày 27/8/2019. Mục đích vay để đầu tư, chăm sóc và kinh doanh sản xuất cho gia đình. Để đảm bảo khoản vay trên, thì bị đơn có giao cho nguyên đơn 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 954260 đối với thửa đất số 24, diện tích 2160m^2 và thửa đất số 68c, diện tích 630m^2 đều thuộc tờ bản đồ số 06 và tọa lạc tại Buôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do UBND huyện K cấp ngày 14/01/2001 mang tên bà H M Ktla. Năm 2019, gia đình bị đơn có đầu tư cà phê, hồ tiêu nhưng đến năm 2020 thì vườn cà phê và tiêu đã

chết hết, hiện không còn gì. Hiện tại gia đình Y S Êban có kinh tế khó khăn và không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tổng tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 5229-LAV-201902231 ngày 27/8/2019 thì ông Y S đồng ý trả nợ. Về việc Ngân hàng yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 954260 thì ông Y S Êban đồng ý bàn giao tài sản cho nguyên đơn. Nếu như số tài sản phát mãi không đủ để thu hồi nợ, thì ông Y S mong muốn thương lượng phía Ngân hàng giảm bớt số tiền lãi.

** Theo bản tự khai ngày 29/11/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị H' X Ktla trình bày:*

Chị H' X Ktla là con gái của ông Y S Êban và bà H M Ktla. Chị H' Xi Mác biết việc bố mẹ chị có vay của Ngân hàng số tiền vay là 50.000.000 đồng, mục đích cho vay để chăm sóc cây cà phê, hồ tiêu và chăn nuôi bò. Năm 2019 gia đình có đầu tư cà phê, điều nhưng đến năm 2020 thì đã chết hết, nên gia đình có kinh tế khó khăn và không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bố mẹ chị trả nợ cho Ngân hàng thì chị không có ý kiến gì và đồng ý trả nợ. Về việc Ngân hàng yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 954260 thì chị H'Xi Mác đồng ý bàn giao tài sản cho nguyên đơn.

** Đối với bị đơn bà H M Ktla:* Tòa án đã tống đạt giấy triệu hợp lệ nhiều lần cho bà H M nhưng bà H M không đến Tòa án làm việc và không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể lấy lời khai của bà H M.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà H M Ktla phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 5229-LAV-201902231 ngày 27/8/2019 và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả xong nợ. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn việc yêu cầu Toà án tuyên xử lý toàn bộ tài sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 954260 cảu bị đơn để thu hồi nợ trong trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện

yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà H M Ktla phải trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 5229-LAV-201902231 ngày 27/8/2019 nên đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn cư trú tại Buôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người có quyền nghĩa vụ, liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý và xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ tiên quan là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nợ gốc: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 5229-LAV-201902231 ngày 27/8/2019, thì bị đơn bà H M Ktla vay của nguyên đơn số tiền gốc là 50.000.000 đồng, mục đích cho vay để chăm sóc cây cà phê, hồ tiêu và chăn nuôi bò, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 27/8/2020, lãi suất cho vay 11.5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã không thực hiện đúng thời hạn và nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Dư nợ tính đến ngày 27/3/2023 là 77.641.747 đồng (trong đó: nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi là 27.641.747 đồng). Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo nội dung hợp đồng tín dụng đã xâm phạm đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc.

[3] Về nợ lãi: Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Căn cứ tại Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó tính đến ngày 27/3/2023 bị đơn phải trả cho nguyên đơn 27.641.747 đồng tiền lãi là có cơ sở nên cần chấp nhận. Đồng thời, bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 28/3/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[4] Về biện pháp bảo đảm: Ngày 08/3/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Toà án giải quyết tuyên xử lý toàn bộ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của bị đơn tại thửa đất số 24, diện tích 2160m^2 và thửa đất số 68c, diện tích 630m^2 đều thuộc tờ bản đồ số 06 và tọa lạc tại buôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do UBND huyện K cấp ngày 14/01/2001 mang tên bà H M Ktla để thu hồi nợ trong trường hợp bi đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Xét thấy, việc rút yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 127 và khoản 2 Điều 244 chấp nhận và đình chỉ việc xét xử đối

với yêu cầu trên.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của bị đơn tại thửa đất số 24, diện tích 2160m^2 và thửa đất số 68c, diện tích 630m^2 đều thuộc tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại buôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk làm căn cứ xử tài sản thế chấp và đã nộp 2.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng. Sau khi đã được Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thì nguyên đơn mới rút yêu cầu khởi kiện về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp và đã chi phí xong.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với mức 77.641.747 đồng x 5% = 3.882.000 đồng theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 157, 227, 228, 235, 244, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

- Buộc bà H M Ktla có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền vay tính đến ngày 27/3/2023 gồm: nợ gốc 50.000.000 đồng và nợ lãi 22.641.747 đồng, tổng cộng 77.641.747 đồng *(Bảy mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi mốt nghìn bảy trăm bốn mươi bảy đồng).*

Kể từ ngày 28/3/2023 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5229-LAV-201902231 ngày 27/8/2019.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc yêu cầu Tòa án tuyên xử lý toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất

số 24, diện tích 2160m^2 và thửa đất số 68c, diện tích 630m^2 đều thuộc tờ bản đồ số 06 tọa lạc tại buôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 954260 do UBND huyện K cấp ngày 14/01/2001 mang tên bà H M Ktla.

- Về chi phí tố tụng: Ngân hàng N phải chịu 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng)* tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp và đã chi phí xong.

- Về án phí: Bà H M Klta phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.882.000 đồng (*Ba triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng)*. Ngân hàng N không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.853.351 đồng *(Một triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm năm mươi mốt đồng)* theo biên lai số AA/2021/0017424 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quốc Định